LƯU CPA VIETNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Hà Nội - Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước và được chuyển đổi ngày 27/12/2013 từ Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 09/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ tư (04) ngày 23/12/2025 về việc cập nhật thông tin của người đại diện theo pháp luật và thay đổi địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 thay đổi lần thứ tư (04) ngày 23/12/2025 là: 65.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INDUSTRIAL MACHINERY AND INSTRUMENTS HOLDING JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Đặng Duy An	Chủ tịch (từ ngày 29/7/2025), Phó Chủ tịch (đến ngày 28/7/2025)
Ông Đỗ Văn Vũ	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/7/2025)
Ông Phan Thế Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29/7/2025)
Ông Hoàng Việt Hồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Ủy viên
Ông Trần Vinh Quang	Ủy viên
Ban Kiểm soát	
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên
Ông Chu Thanh Hà	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Việt Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Như Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiêm ngày 03/4/2025)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0100100128 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TẠI HÀ NỘI

Hoàng Việt Hồng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 175/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp, được lập ngày 23/3/2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.16 Vốn chủ sở hữu của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 65.000.000.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-BCT ngày 18/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị phần vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Viện máy và dụng cụ công nghiệp, số tiền nhà nước chưa hoàn trả Viện IMI là: 27.490.246.962 đồng. Theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT-IMI ngày 29/5/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp, Văn bản số 790/ĐTKDV-ĐT3 ngày 20/5/2025 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước; Biên bản chuyển giao đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp từ Bộ Công thương về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ngày 22/4/2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định điều chỉnh số liệu vốn nhà nước, vốn điều lệ của Công ty là 65.000.000.000 đồng *(chi tiết tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT-IMI ngày 29/5/2025)*.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa	**Nguyễn Thị Tiến**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**73.481.972.452**	**74.223.009.641**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**11.432.628.419**	**20.799.236.960**
1. Tiền	111		2.872.628.419	4.439.236.960
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.560.000.000	16.360.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**1.090.000.000**	**1.400.000.000**
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.090.000.000	1.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**35.107.686.778**	**23.014.850.178**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	31.362.959.023	30.874.305.983
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	16.418.187.299	5.293.800.930
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	220.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	956.060.572	234.993.267
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(13.629.520.116)	(13.608.250.002)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**25.719.795.346**	**28.881.317.498**
1. Hàng tồn kho	141	5.5	25.719.795.346	28.881.317.498
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**131.861.909**	**127.605.005**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		131.861.909	127.605.005
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	**200**		**46.978.163.390**	**45.094.414.497**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**27.490.246.962**	**27.490.246.962**
6. Phải thu dài hạn khác	216		27.490.246.962	27.490.246.962
II. Tài sản cố định	**220**		**10.086.164.396**	**8.408.846.653**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	10.085.019.438	8.389.183.175
- Nguyên giá	*222*		*67.463.674.444*	*64.658.564.245*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(57.378.655.006)*	*(56.269.381.070)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.144.958	19.663.478
- Nguyên giá	*228*		*93.910.352*	*93.910.352*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(92.765.394)*	*(74.246.874)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.9**	**8.863.116.968**	**8.863.116.968**
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.219.606.555	9.219.606.555
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(356.489.587)	(356.489.587)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**538.635.064**	**332.203.914**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	538.635.064	332.203.914
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**120.460.135.842**	**119.317.424.138**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**49.864.012.923**	**52.019.090.282**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**46.581.257.087**	**49.280.610.354**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	12.591.865.588	13.817.460.935
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	25.256.916.000	29.579.043.252
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.223.228.137	206.063.264
4. Phải trả người lao động	314		5.656.388.200	3.408.187.050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	128.225.899	126.460.433
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	378.801.536	836.974.347
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.345.831.727	1.306.421.073
II. Nợ dài hạn	**330**		**3.282.755.836**	**2.738.479.928**
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.15	3.282.755.836	2.738.479.928
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**70.596.122.919**	**67.298.333.856**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.16**	**70.596.122.919**	**67.298.333.856**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		65.000.000.000	65.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*65.000.000.000*	*65.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.216.867.324	1.216.867.324
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.379.255.595	1.081.466.532
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*264.539.952*	*346.996.041*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*4.114.715.643*	*734.470.491*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**120.460.135.842**	**119.317.424.138**

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thúy Hằng	Lê Thúy Hằng	Hoàng Việt Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	99.393.852.290	73.641.418.385
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	99.393.852.290	73.641.418.385
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	85.251.948.968	63.276.479.440
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**14.141.903.322**	**10.364.938.945**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	832.045.992	558.044.442
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	6.411.580	398.706.647
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8.	Lãi (Lỗ) Công ty liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.277.021.271	9.610.719.553
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}**	**30**		**2.690.516.463**	**913.557.187**
12.	Thu nhập khác	31	6.6	2.479.276.382	40.614.081
13.	Chi phí khác	32	6.6	47.926.888	25.329.522
14.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**2.431.349.494**	**15.284.559**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**5.121.865.957**	**928.841.746**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.007.150.314	194.371.255
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**4.114.715.643**	**734.470.491**
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	633	47

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thúy Hằng	Lê Thúy Hằng	Hoàng Việt Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. ***Lợi nhuận trước thuế***	**01**		**5.121.865.957**	**928.841.746**
2. ***Điều chỉnh cho các khoản***				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.127.792.456	1.087.726.047
- Các khoản dự phòng	03		21.270.114	356.489.587
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.947.614)	(1.595.991)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(830.098.378)	(556.448.451)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		544.275.908	-
3. ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	**08**		**5.983.158.443**	**1.815.012.938**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.350.220.619)	(5.226.727.000)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.161.522.152	(15.318.513.589)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.204.421.266)	26.730.373.305
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(206.431.150)	342.692.899
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(168.314.869)	(90.066.580)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(387.515.926)	(1.024.702.892)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(7.172.223.235)**	**7.228.069.081**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.805.110.199)	(740.917.455)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(220.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		530.000.000	110.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		841.955.379	568.623.450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1.433.154.820)**	**(282.294.005)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(763.178.100)	(975.748.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(763.178.100)**	**(975.748.800)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**(9.368.556.155)**	**5.970.026.276**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**20.799.236.960**	**14.827.614.693**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.947.614	1.595.991
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**11.432.628.419**	**20.799.236.960**

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thúy Hằng	Lê Thúy Hằng	Hoàng Việt Hồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp tiền thân là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước và được chuyển đổi ngày 27/12/2013 từ Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 09/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ tư (04) ngày 23/12/2025 về việc cập nhật thông tin của người đại diện theo pháp luật và thay đổi địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 thay đổi lần thứ tư (04) ngày 23/12/2025 là: 65.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INDUSTRIAL MACHINERY AND INSTRUMENTS HOLDING JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về cơ điện tử, bao gồm: Cơ điện tử trong ngành máy công cụ; cơ điện tử lĩnh vực đo lường và tự động hóa; cơ điện tử trong ngành thiết bị xây dựng; cơ điện tử lĩnh vực thiết bị y tế; cơ điện tử trong ngành thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, thiết kế, chế tạo máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới trong công nghiệp; Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng nông nghiệp);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khoa học và công nghệ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đấu thầu (không gồm tư vấn lựa chọn nhà thầu, xác định giá gói thầu); Tư vấn việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hóa học, dược học, công nghệ và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển: sản xuất các hệ thống và thiết bị tìm kiếm, thăm dò, định hướng, thiết bị dùng trong hàng không, hàng hải; các máy điều khiển và điều chỉnh ứng dụng tự động; các dụng cụ thiết bị đo lường, hiển thị, thu thanh, truyền tải và kiểm soát các thông số hoạt động công nghiệp như nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, độ bụi, độ cháy, dòng chảy, mức độ, độ dính, mật độ, axit, độ tập trung, sự luân phiên; công tơ, dụng cụ đo độ cháy và tính toán; dụng cụ đo và kiểm tra các tính chất điện năng và dấu hiệu điện tử; hệ thống dụng cụ và dụng cụ phân tích thí nghiệm thành phần hóa học và vật lý, độ đông đặc các mẫu vật liệu rắn, lỏng, khí và tổng hợp; máy đồng hồ và thời gian, công cụ kiểm tra và đo lường khác và các bộ phận của nó;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp;

- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất thiết bị điện khác; Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp; Sản xuất máy công cụ và máy tạ hình kim loại; Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da; Sản xuất máy chuyên dụng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

- Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giầy; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu như: Các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường;

- Đại lý, môi giới, đấu giá: Hoạt động đại lý bán hàng hưởng hoa hồng về các loại hàng hóa như: Nông lâm sản nguyên dạng, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm, nhiên liệu, quặng, kim loại và hóa chất công nghiệp, phân bón; Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc lào; Gỗ xây dựng và nguyên vật liệu xây dựng; Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền; Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

- Đào tạo đại học và sau đại học;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đào tạo và sản xuất, kinh doanh, lắp đặt máy thiết bị công nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có Công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh chuyển giao sản phẩm công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh chuyển giao sản phẩm công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp	100%	100%

Các đơn vị phụ thuộc hạch toán

Trung tâm chuyển giao công nghệ, địa chỉ: Số 46 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, do vậy, số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và Công ty sử dụng phần mềm Fast.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp, các Công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cơ điện tử IMI và Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Cơ điện tử IMI.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

(i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,…): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công ty đang giao dịch tại ngày 31/12/2025.

(ii) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công ty đang giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm tin học được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: Trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênhlệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đào tạo và sản xuất, kinh doanh, lắp đặt máy thiết bị công nghiệp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	**379.888.516**	**221.304.778**
Trụ sở Viện	361.967.380	175.663.736
Trung tâm chuyển giao công nghệ	4.391.900	12.418.400
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	1.821.545	26.821.545
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	11.707.691	6.401.097
Tiền gửi ngân hàng	**2.492.739.903**	**4.217.932.182**
Tiền gửi VND		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	*6.055.458*	*6.504.873*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	*2.294.842.684*	*4.027.868.746*
Công ty Chứng khoán An Bình	*134.189.038*	*134.353.082*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	*18.790.753*	*11.004.254*
Tiền gửi USD		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	*5.708.619*	*5.565.353*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	26.748.022	26.545.473
Tiền gửi EUR		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	*6.200.091*	*5.362.775*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	*205.238*	*727.626*
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	**8.560.000.000**	**16.360.000.000**
Tiền gửi VND		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	8.550.000.000	16.350.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	10.000.000	10.000.000
Tổng	**11.432.628.419**	**20.799.236.960**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**31.362.959.023**	**30.874.305.983**
Công ty mẹ		
Trụ sở Viện	***24.868.608.124***	***23.439.672.975***
CN Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Hàng Xanh tại HN	*6.500.000.000*	*6.035.797.115*
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (Ban DA Ethanol)	*4.682.059.000*	*4.682.059.000*
Công ty TNHH Hương Hải Group	*1.281.693.841*	*1.281.693.841*
Công ty Cổ phần xây dựng Minh Anh	*300.000.000*	*300.000.000*
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam	*335.357.863*	*335.357.863*
Công ty TNHH giấy Xuân Mai	*505.228.800*	*505.228.800*
Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng (IDI)	*1.014.102.000*	*1.014.102.000*
Công ty TNHH TMDV Bách Lộc Phát	*1.224.448.000*	*2.399.920.000*
Các khách hàng khác	*9.025.718.620*	*6.885.514.356*
Trung tâm Chuyển giao Công nghệ	***2.346.944.000***	***2.244.792.000***
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	*1.696.000.000*	*1.696.000.000*
Công ty cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	*290.286.000*	*290.286.000*
Công ty cổ phần Cavico khai thác mỏ và Xây dựng	*258.506.000*	*258.506.000*
Các khách hàng khác	*102.152.000*	-
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	**992.869.799**	**992.869.799**
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao	825.369.799	825.369.799
Công ty TNHH Đỉnh Vàng Nha Trang	107.500.000	107.500.000
Các đối tượng khác	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	**3.154.537.100**	**4.196.971.209**
Công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Bạch Đằng	465.640.000	465.640.000
Công ty TNHH Bê tông và xây dựng An Phú	58.000.000	58.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao	219.000.000	219.000.000
Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Minh Hoàng	379.940.000	379.940.000
Công ty TNHH Kingcem	306.360.000	1.185.380.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Bách Lộc Phát	416.400.000	1.220.544.000
Công ty TNHH SANKOSHA Việt Nam	534.442.200	-
Đối tượng khác	774.754.900	668.467.209
Tổng	**31.362.959.023**	**30.874.305.983**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**16.418.187.299**	**5.293.800.930**
Công ty mẹ		
Trụ sở Viện	**15.648.145.725**	**3.142.169.854**
Công ty CP TM và khai thác KS Dương Hiếu - CN Hà Nội	324.717.960	324.717.960
Chaoyang Hongsheng Machine - Building Co.,Ltd	6.080.257.000	-
Qingdao Co_Nele Machinery Co.,Ltd	-	318.987.500
Công ty CP Xây dựng và TB công nghiệp CIE1	354.801.150	354.801.150
Công ty TNHH MTV Cao su 75 (Nhà máy cao su 75)	5.304.096.846	1.696.117.500
Các khách hàng khác	3.584.272.769	447.545.744
Trung tâm Chuyển giao Công nghệ	-	-
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	**770.041.574**	**2.151.631.076**
Công ty Cổ phần Cơ khí 3IG	223.330.520	1.382.792.336
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Hà Nam	-	727.450.740
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Hà	127.160.000	-
Các khách hàng khác	419.551.054	41.388.000
Tổng	**16.418.187.299**	**5.293.800.930**

5.4 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**956.060.572**	-	**234.993.267**	-
Trụ sở Viện	***542.071.289***	-	***146.628.878***	-
- Tạm ứng	34.960.000	-	37.800.000	-
- Phải thu khác	507.111.289	-	108.828.878	-
Công ty Cổ phần TM Kim hoa	*69.640.184*	-	*69.640.184*	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT VN - CN Hà Nội	*4.987.500*	-	*3.444.444*	-
Công ty cổ phần 3B	*312.500.000*			-
Các đối tượng khác	*119.983.605*	-	*35.744.250*	-
Trung tâm chuyển giao công nghệ	***2.172.917***	-	***1.733.333***	-
- Phải thu khác	2.172.917	-	1.733.333	-
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	**16.773.890**	-	**7.535.417**	-
- Phải thu khác	16.773.890	-	7.535.417	-
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	**395.042.476**	-	**79.095.639**	-
- Tạm ứng	8.760.000	-	1.800.000	-
- Phải thu khác (Thuế TNCN)	33.673.365		18.997.027	
- Phải thu khác (Lãi tiền gửi)	14.354.111	-	27.754.168	-
- Ông Hoàng Văn Quyền	287.855.556		-	
- Phải thu khác	50.399.444		30.544.444	-
Dài hạn	**27.490.246.962**	-	**27.490.246.962**	-
- Phải thu về cổ phần hóa (i)	27.490.246.962	-	27.490.246.962	-
Tổng	**28.446.307.534**	-	**27.725.240.229**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.4 Phải thu khác (Tiếp theo)

(i) Là số tiền Công ty đã nộp quá về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp theo Quyết định số 1759/QĐ-BCT ngày 18/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị phần vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Viện máy và dụng cụ công nghiệp.

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Trụ sở Viện	***16.475.887.444***	-	***24.107.378.275***	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.187.539.806	-	3.116.999.280	-
Chi phí SX KDDD	15.288.347.638	-	20.990.378.995	-
Trung tâm chuyển giao công nghệ	-	-	***86.737.320***	-
Chi phí SX KDDD	-	-	86.737.320	-
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	**129.800.000**	-	**136.800.000**	-
Chi phí SX KDDD	129.800.000	-	136.800.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	**9.114.107.902**	-	**4.550.401.903**	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.585.266.178	-	1.806.703.914	-
Chi phí SX KDDD	7.528.841.724	-	2.743.697.989	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Tổng	**25.719.795.346**	-	**28.881.317.498**	-

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Máy móc thiết bị phòng thí nghiệm	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	**38.448.904.504**	**394.779.945**	**3.903.427.213**	**897.013.725**	**21.014.438.858**	**64.658.564.245**
Tăng trong năm	**-**	**-**	**2.639.694.273**	**165.415.926**	**-**	**2.805.110.199**
Mua trong năm	-	-	2.639.694.273	165.415.926	-	2.805.110.199
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 31/12/2025	**38.448.904.504**	**394.779.945**	**6.543.121.486**	**1.062.429.651**	**21.014.438.858**	**67.463.674.444**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	**32.205.734.811**	**394.779.945**	**3.224.252.869**	**878.727.758**	**19.565.885.687**	**56.269.381.070**
Tăng trong năm	**438.964.896**	**-**	**190.879.196**	**23.705.752**	**455.724.092**	**1.109.273.936**
Khấu hao trong năm	438.964.896		190.879.196	23.705.752	455.724.092	1.109.273.936
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 31/12/2025	**32.644.699.707**	**394.779.945**	**3.415.132.065**	**902.433.510**	**20.021.609.779**	**57.378.655.006**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	**6.243.169.693**	**-**	**679.174.344**	**18.285.967**	**1.448.553.171**	**8.389.183.175**
Tại 31/12/2025	**5.804.204.797**	**-**	**3.127.989.421**	**159.996.141**	**992.829.079**	**10.085.019.438**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 25.427.396.068 đồng (Tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 25.427.396.068 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	**93.910.352**	**93.910.352**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	**93.910.352**	**93.910.352**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	**74.246.874**	**74.246.874**
Tăng trong năm	**18.518.520**	**18.518.520**
Khấu hao trong năm	18.518.520	18.518.520
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	**92.765.394**	**92.765.394**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	**19.663.478**	**19.663.478**
Tại 31/12/2025	**1.144.958**	**1.144.958**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 38.354.796 đồng (Tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 38.354.796 đồng).

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dài hạn	**538.635.064**	**332.203.914**
Chi phí công cụ, dụng cụ	385.724.640	125.630.362
Chi phí sửa chữa, cải tạo nâng cấp, khác	152.910.424	206.573.552
Tổng	**538.635.064**	**332.203.914**

5.9 Các khoản đầu tư dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2025			01/01/2025		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			**9.219.606.555**		(356.489.587)	**9.219.606.555**		(356.489.587)
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	15%	15,00%	555.981.402		-	555.981.402		-
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp (CIE)	3,25%	3,25%	1.608.265.622		-	1.608.265.622		-
- Công ty CP Công nghệ Cao	4,30%	4,30%	666.214.366		(356.489.587)	666.214.366		(356.489.587)
- Công ty CP Hệ thống quốc tế IMI	0,06%	0,06%	25.144.020		-	25.144.020		-
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư	16,3%	16,30%	3.840.900.250		-	3.840.900.250		-
- Công ty Cổ phần 3B	20,0%	20,00%	2.523.100.895		-	2.523.100.895		-
Tổng			**9.219.606.555**	(*)	**(356.489.587)**	**9.219.606.555**	(*)	**(356.489.587)**

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**12.591.865.588**	**12.591.865.588**	**13.817.460.935**	**13.817.460.935**
Công ty mẹ				
Trụ sở Viện	***5.187.771.782***	***5.187.771.782***	***6.633.824.833***	***6.633.824.833***
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và TBCN CIE	2.962.109.000	2.962.109.000	2.962.109.000	2.962.109.000
Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy LILAMA	-	-	1.028.736.070	1.028.736.070
Công ty TNHH Ngọc Khánh CKS Hải Phòng	806.858.280	806.858.280		-
Các đối tượng khác	1.418.804.502	1.418.804.502	2.642.979.763	2.642.979.763
Trung tâm chuyển giao công nghệ	-	-	-	-
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	**506.646.708**	**506.646.708**	**506.646.708**	**506.646.708**
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao	506.646.708	506.646.708	506.646.708	506.646.708
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	**6.897.447.098**	**6.897.447.098**	**6.676.989.394**	**6.676.989.394**
Công ty TNHH Cơ khí Chung Sơn	2.457.677.348	2.457.677.348	3.840.258.694	3.840.258.694
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Khánh Nguyên	-	-	753.314.000	753.314.000
Công ty TNHH Ngọc Khánh CKS Hải Phòng	2.055.803.500	2.055.803.500	612.779.400	612.779.400
Các đối tượng khác	2.383.966.250	2.383.966.250	1.470.637.300	1.470.637.300
Tổng	**12.591.865.588**	**12.591.865.588**	**13.817.460.935**	**13.817.460.935**

5.11 Người mua ứng tiền trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**25.256.916.000**	**29.579.043.252**
Công ty mẹ		
Trụ sở Viện	***24.401.880.000***	***28.931.813.252***
Công ty Cổ phần Casablanca Việt Nam	16.245.020.000	28.920.329.252
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.360.000.000	-
Công ty TNHH Kingcem	2.353.360.000	-
Các khách hàng khác	2.443.500.000	11.484.000
Trung tâm Chuyển giao Công nghệ	-	-
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	**855.036.000**	**647.230.000**
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Phúc Lâm	507.472.000	-
Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	-	550.000.000
Các đối tượng khác	347.564.000	97.230.000
Tổng	**25.256.916.000**	**29.579.043.252**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.12 Thuế và các khoản thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	**206.063.264**	**9.892.845.329**	**8.036.845.011**	**1.223.228.137**
Thuế giá trị gia tăng	45.474.696	2.819.290.660	2.758.870.711	105.894.645
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	849.233.437	849.233.437	-
Thuế XNK	-	23.929.550	23.929.550	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119.276.446	1.007.150.314	168.314.869	958.111.891
Phát sinh trong năm		*980.675.971*	*141.840.526*	
Truy thu các năm trước		*26.474.343*	*26.474.343*	
Thuế thu nhập cá nhân	41.312.122	561.611.813	443.702.334	159.221.601
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.471.855.609	3.471.855.609	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	152.623.632	152.623.632	-

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**128.225.899**	**126.460.433**
Chi phí phải trả khác	128.225.899	126.460.433
Tổng	**128.225.899**	**126.460.433**

5.14 Phải trả ngắn hạn khác và dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**378.801.536**	**836.974.347**
Kinh phí công đoàn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	378.801.536	836.974.347
Trụ sở Viện	*233.975.785*	*699.210.258*
Cổ tức phải trả	*16.073.100*	*389.251.200*
Các khoản phải trả khác	*217.902.685*	*309.959.058*
Trung tâm Chuyển giao Công nghệ	-	***1.545.000***
Các khoản phải trả khác	-	*1.545.000*
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị cơ điện tử IMI	**144.825.751**	**136.219.089**
Các khoản phải trả khác	144.825.751	136.219.089
Tổng	**378.801.536**	**836.974.347**

5.15 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Đơn vị tính: VND

Nội dung	01/01/2025	Tăng	Giảm	31/12/2025
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (TK 3561)	1.289.926.757	1.000.000.000	-	2.289.926.757
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ (TK 3562)	1.448.553.171	-	455.724.092	992.829.079
Tổng	**2.738.479.928**	**1.000.000.000**	**455.724.092**	**3.282.755.836**

5.16 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	**65.000.000.000**	**1.216.867.324**	**2.876.727.207**	**69.093.594.531**
Lãi trong năm trước	-	-	734.470.491	734.470.491
Phân phối lợi nhuận năm 2022 tại Công ty mẹ	-	-	(1.555.000.000)	(1.555.000.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2023 tại Công ty mẹ	-	-	(694.731.166)	(694.731.166)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty con	-	-	(280.000.000)	(280.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	**65.000.000.000**	**1.216.867.324**	**1.081.466.532**	**67.298.333.856**
Số dư tại 01/01/2025	**65.000.000.000**	**1.216.867.324**	**1.081.466.532**	**67.298.333.856**
Lãi trong năm nay	-	-	4.114.715.643	4.114.715.643
Phân phối lợi nhuận năm 2024 (i)	-	-	(666.926.580)	(666.926.580)
Trích lập quỹ khen thưởng tại Công ty con (ii)	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư tại 31/12/2025	**65.000.000.000**	**1.216.867.324**	**4.379.255.595**	**70.596.122.919**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*): Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh là 65.000.000.000 đồng. Vốn góp thực tế tại thời điểm 31/12/2025 là 37.509.753.038 đồng, chênh lệch thiếu số tiền là 27.490.246.962 đồng. Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-BCT ngày 18/5/2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị phần vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Viện máy và dụng cụ công nghiệp, phần vốn nhà nước trong cơ cấu vốn điều lệ của Công ty hiện thiếu hụt số tiền: 27.490.246.962 đồng. Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 14855/BTC-TCDN ngày 02/11/2017; Báo cáo kết quả thực hiện của Công ty theo chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn số 11926A/BCT-TC ngày 19/12/2017 về việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, Bộ Công Thương đã có Công văn số 5012/BCT-TC ngày 25/6/2018 báo cáo và đề nghị Bộ Tài chính xem xét hoàn trả Công ty số tiền 25.519.488.471 đồng mà Công ty đã chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại SCIC (Quỹ), theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 5 Thông tư 184/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Ngày 24/01/2019, Bộ Tài chính đã có Công văn số 1150/BTC-TCDN về xử lý tồn tại phần vốn nhà nước tại Công ty, trong đó, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý. Theo đó, ngày 18/12/2019, Công ty đã có Văn bản gửi Bộ Công Thương số 373/IMI-TCKT ngày 18/12/2019 về việc xử lý tồn tại phần vốn nhà nước thiếu trong cơ cấu vốn điều lệ của Công ty, trong đó, Công ty đề nghị Bộ Công Thương xem xét, thống nhất với Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh lại quy mô vốn điều lệ của Công ty, trên cơ sở điều chỉnh giảm giá trị phần vốn nhà nước trong cơ cấu vốn điều lệ Công ty, số tiền: 27.490.246.962 đồng (trong tổng số 48,7 tỷ đồng vốn nhà nước góp tại Công ty).

Ngày 31/7/2020, Viện IMI đã có văn bản báo cáo, đề nghị Bộ Công Thương và các Bộ Ngành xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý tồn tại phần vốn nhà nước còn thiếu (Công văn số 186/IMI-TCKT) nhằm tạo điều kiện cho Viện IMI khắc phục các tồn tại, hạn chế vướng mắc liên quan. Trong đó, phần vốn nhà nước thiếu (27.490.246.962 đồng) chưa xử lý được đã làm nảy sinh nhiều khó khăn, vướng mắc cho các mặt hoạt động của Viện IMI, ảnh hưởng đến việc giám sát, đánh giá và minh bạch thông tin doanh nghiệp theo quy định. Ngày 20/08/2021, Viện IMI đã có văn bản báo cáo, đề nghị Bộ Công Thương xem xét Kế hoạch sắp xếp, xử lý vốn và tỷ lệ vốn góp của nhà nước tại Viện IMI, nhằm xử lý triệt để các tồn tại liên quan phần vốn góp của nhà nước còn thiếu theo tỷ lệ vốn góp nhà nước: 74,99% vốn điều lệ Viện IMI (Công văn số 276/IMI-TCKT và 277/IMI-TCKT). Ngày 17/6/2022, Viện IMI tiếp tục gửi văn bản báo cáo, đề nghị Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định kế hoạch sắp xếp Viện IMI giai đoạn 2021-2025 theo phương án duy trì quy mô VĐL (65 tỷ đồng) và tỷ lệ phần vốn nhà nước trong cơ cấu VĐL của Viện IMI (74,99%); đồng thời đề nghị Bộ Công Thương thống nhất với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý, hoàn trả bổ sung phần vốn nhà nước thiếu trong cơ cấu VĐL của Viện IMI, số tiền: 27.490.246.962 đồng. Tiếp đó, ngày 15/11/2023, Viện IMI đã gửi Bộ Công Thương Văn bản số 299/IMI-TCKT; ngày 19/8/2024, Viện IMI đã gửi Bộ Công Thương Văn bản số 176/IMI-TCKT, trong đó đề nghị Bộ Công Thương xem xét, thống nhất Bộ Tài chính quyết định và/hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh quy mô vốn điều lệ của Viện IMI tương ứng bằng với số vốn thực góp của chủ sở hữu là 37.509.753.038 đồng (trong đó vốn thực có của cổ đông nhà nước là: 21.255.903.038 đồng).

Trên cơ sở các kiến nghị của Viện IMI trong các Văn bản gửi Bộ Công Thương nêu trên, Bộ Công Thương đã có Văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý phần vốn nhà nước thiếu trong cơ cấu vốn điều lệ của Viện IMI (Công văn số 8478/BCT-KHTC ngày 23/10/2024). Theo đó, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 729/VPCP-ĐMDN ngày 25/01/2025 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc: (i) Bộ Công Thương nghiên cứu ý kiến của Bộ Tài chính (Văn bản số 14581/BTC-TCDN ngày 31/12/2025), Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chủ động phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ liên quan xử lý theo thẩm quyền, quy định pháp luật; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước ngày 15/02/2025, trong đó làm rõ vấn đề vướng mắc, cơ sở pháp lý, thẩm quyền; (ii) Bộ Tài chính tích cực phối hợp với Bộ Công Thương trong việc thực hiện công việc nêu tại điểm (i) trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Viện IMI đã có Công văn số 25/IMI-TCKT ngày 10/02/2025 báo cáo Bộ Công Thương và Bộ Công Thương đã có Văn bản số 1192/BCT-KHTC ngày 19/02/2025 gửi Bộ Tài Chính làm rõ và đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến về việc xử lý vướng mắc liên quan việc nhà nước chưa hoàn trả Viện IMI số tiền 25.519.488.471 đồng, cụ thể:

+ Ngày 18/5/2017, Bộ Công Thương đã có Quyết định số 1759/QĐ-BCT về việc xác định giá trị phần vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, theo đó số tiền Viện IMI đã nộp quá về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp là 27.490.246.962 đồng.

+ Bộ Công Thương đã rà soát, đánh giá lại nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến giảm vốn nhà nước, thống nhất giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Viện IMI giảm do nguyên nhân chủ quan số tiền 164.553.050 đồng và đề nghị:

(i) Viện IMI sẽ được xử lý cấp bù số tiền 25.519.488.471 đồng - là số tiền thu được từ bán cổ phần lần đầu đã được Viện IMI nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp tại SCIC theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.

(ii) Phần còn lại, sau khi trừ đi kinh phí bồi thường của cá nhân, tập thể là 1.806.205.441 đồng (1.970.758.491 đồng - 164.553.050 đồng) được xử lý theo phương án giảm quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Viện IMI theo điểm a, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, Bộ Công Thương sẽ đưa vào dự toán chi ngân sách của Bộ Công Thương năm 2026 là 25.519.488.471 đồng để chi cấp bù phần chênh lệch giữa số tiền Viện IMI đã nộp quá so với số tiền phải nộp, gửi Bộ Tài Chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ trình Quốc Hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 theo quy định.

+ Sau khi Ngân sách nhà nước cấp bù số tiền 25.519.488.471 đồng cho Viện IMI, Bộ Công Thương sẽ quyết định điều chỉnh giá trị phần vốn nhà nước tại Viện IMI tương ứng phần chênh lệch còn lại là 1.806.205.441 đồng và chỉ đạo Người đại diện vốn nhà nước tại Viện IMI thông qua Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Viện IMI phù hợp với quy định.

Bộ Tài Chính đã có ý kiến tại Văn bản số 2406/BTC-TCDN ngày 28/02/2025 trả lời về nội dung đề nghị trên của Bộ Công Thương, trong đó có nêu: Phần vốn nhà nước tại Viện IMI ở thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần bị giảm được xử lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 10 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 57/2022/TT-BTC. Theo đó, ngày 13/8/2025, Bộ Công Thương đã gửi Bộ Tài chính Công văn số 6014/BCT-KHTC về việc thuyết minh bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và Kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2026-2028, trong đó có đề nghị cấp bù phần chênh lệch Viện IMI nộp thừa vào NSNN số tiền 25.519.488.471 đồng. Viện IMI sẽ chờ các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý vướng mắc liên quan việc Nhà nước chưa hoàn trả Viện IMI số tiền: 25.519.488.471 đồng.

Theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT-IMI ngày 29/5/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp, Văn bản số 790/ĐTKDV-ĐT3 ngày 20/5/2025 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước; Biên bản chuyển giao đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp từ Bộ Công thương về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ngày 22/4/2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định điều chỉnh số liệu vốn nhà nước, vốn điều lệ của Công ty là 65.000.000.000 đồng *(chi tiết tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT-IMI ngày 29/5/2025)*.

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ-IMI ngày 27/6/2025, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế còn lại của năm 2024, như sau:

- Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền: 0,6% vốn điều lệ, tương ứng 390.000.000 VND (trong đó cổ tức chi trả cho cổ đông nhà nước tương ứng 74,99% vốn điều lệ, số tiền: 292.461.000 VND)

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 276.926.580 VND.

(i) Công ty phân phối lợi nhuận căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trích Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 150.000.000 VND tại Công ty con.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn Nhà nước (Đại diện SCIC)	48.746.150.000	48.746.150.000
Vốn góp của các cổ đông có tư cách pháp nhân	13.757.850.000	13.757.850.000
Vốn góp của các cá nhân khác	2.496.000.000	2.496.000.000
Tổng	**65.000.000.000**	**65.000.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	65.000.000.000	65.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	65.000.000.000	65.000.000.000
Cổ tức đã chia	**390.000.000**	**280.000.000**
Phân phối các quỹ	**426.926.580**	**694.731.166**

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**6.500.000**	**6.500.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**6.500.000**	**6.500.000**
Cổ phiếu phổ thông	6.500.000	6.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**6.500.000**	**6.500.000**
Cổ phiếu phổ thông	6.500.000	6.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Nợ khó đòi đã xử lý

STT	Đối tượng	Số tiền	Năm phát sinh	Nguyên nhân xóa nợ
I.	**Trụ Sở Viện**	**2.189.250.000**		
1	Công ty TNHH 1TV 508	1.071.000.000	Năm 2016	Theo Biên bản họp số 245/BB-IMI ngày 25/10/2022 về xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Đánh giá khoản nợ này không có khả năng thu hồi.
2	Công ty Cơ khí hoá chất Hà Bắc	208.250.000	Năm 2016	Theo Biên bản họp số 245/BB-IMI ngày 25/10/2022 về xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Đánh giá khoản nợ này không có khả năng thu hồi.
3	Công ty TNHH Nhà Nước 1TV CN tàu thuỷ Bến Kiền	100.000.000	Năm 2015	Theo Biên bản họp số 245/BB-IMI ngày 25/10/2022 về xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Đánh giá khoản nợ này không có khả năng thu hồi.
4	Công ty CP Cơ khí và xây dựng TM Hải Phòng	810.000.000	Năm 2016	Theo Biên bản họp số 245/BB-IMI ngày 25/10/2022 về xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Đánh giá khoản nợ này không có khả năng thu hồi.
II.	**Trung tâm Chuyển giao công nghệ**	**1.089.739.680**		
1	Công ty CPĐT và XD 546	418.000.000	Năm 2016	Theo Biên bản họp số 245/BB-IMI ngày 25/10/2022 về xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Đánh giá khoản nợ này không có khả năng thu hồi.
2	Công ty CP bê tông Cẩm Phả	392.000.000	Năm 2016	Theo Biên bản họp số 245/BB-IMI ngày 25/10/2022 về xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Đánh giá khoản nợ này không có khả năng thu hồi.
3	Công ty TNHH XD Thống Nhất	151.409.680	Năm 2016	Theo Biên bản họp số 245/BB-IMI ngày 25/10/2022 về xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Đánh giá khoản nợ này không có khả năng thu hồi.
4	Công ty CP Hassyu VN	128.330.000	Năm 2017	Theo Biên bản họp số 245/BB-IMI ngày 25/10/2022 về xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Đánh giá khoản nợ này không có khả năng thu hồi.
	Tổng	**3.278.989.680**		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng, thiết kế, chế tạo, lắp đặt	83.603.042.924	58.373.630.253
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.790.809.366	15.267.788.132
Tổng	**99.393.852.290**	**73.641.418.385**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng, thiết kế, chế tạo, lắp đặt	76.369.166.177	54.244.069.024
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.882.782.791	9.032.410.416
Tổng	**85.251.948.968**	**63.276.479.440**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	323.733.878	396.849.451
Cổ tức, lợi nhuận được chia	506.364.500	159.599.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	1.947.614	1.595.991
Tổng	**832.045.992**	**558.044.442**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do phát sinh chênh lệch tỷ giá trong năm	6.411.580	42.217.060
Dự phòng đầu tư tài chính	-	356.489.587
Tổng	**6.411.580**	**398.706.647**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**12.277.021.271**	**9.610.719.553**
Chi phí nhân viên quản lý	6.607.703.124	5.306.562.558
Chi phí đồ dùng văn phòng	386.748.047	547.188.584
Chi phí khấu hao TSCĐ	615.425.328	573.201.756
Thuế phí và lệ phí	11.049.518	11.049.518
Chi phí dự phòng	598.937.614	287.339.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.839.396.003	2.623.075.221
Chi phí bằng tiền khác	475.429.137	262.302.147
Trích quỹ lương dự phòng	320.000.000	250.000.000
Trích quỹ khoa học công nghệ	1.000.000.000	-
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	*(577.667.500)*	*(250.000.000)*
Tổng	**12.277.021.271**	**9.610.719.553**

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Tiền thuê đất được miễn giảm năm 2024	2.478.706.248	-
Thu nhập xử lý công nợ	9	50.609
Hoàn thuế GTGT hàng NK và thuế NK	-	40.527.726
Thu nhập khác	570.125	35.746
Tổng	**2.479.276.382**	**40.614.081**
Chi phí khác		
Chi phí khác	340.000	1.093.118
Chi phí truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế TNCN, GTGT	46.636.410	22.070.304
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	950.478	2.166.100
Tổng	**47.926.888**	**25.329.522**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**2.431.349.494**	**15.284.559**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**5.121.865.957**	**928.841.746**
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	286.426.014	204.209.522
Thù lao HĐQT không trực tiếp	*231.300.000*	*169.680.000*
Chi phí khác không được trừ	*7.200.000*	*9.200.000*
Chi phí phạt chậm nộp thuế	*46.636.410*	*23.163.422*
Chi phí phạt chậm nộp thuế, BHXH	*1.289.604*	*2.166.100*
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	508.312.114	161.194.991
Cổ tức và lợi nhuận được chia	*506.364.500*	*159.599.000*
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện khoản mục tiền gửi ngân hàng	*1.947.614*	*1.595.991*
Thu nhập chịu thuế	**4.899.979.857**	**971.856.277**
Thu nhập tính thuế của Công ty mẹ	***567.713.441***	***97.949.148***
Thu nhập tính thuế của Công ty con	***4.332.266.416***	***873.907.129***
Thuế suất	20%	20%
Truy thu theo Quyết định cơ quan thuế tại Công ty con	*27.154.343*	-
Tổng	**1.007.150.314**	**194.371.255**

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**4.114.715.643**	**734.470.491**
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(426.926.580)
+ Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	*(426.926.580)*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**4.114.715.643**	**307.543.911**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	6.500.000	6.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**633**	**47**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận, thưởng Ban điều hành năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2025 như trình bày tại thuyết minh số 5.16 - Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết như sau:

	Năm 2024 (Trình bày lại)	Năm 2024 (Đã trình bày)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**734.470.491**	**734.470.491**	**-**
Các khoản điều chỉnh			
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	*(426.926.580)*	-	*(426.926.580)*
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	*(426.926.580)*	-	*(426.926.580)*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**307.543.911**	**734.470.491**	**(426.926.580)**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	6.500.000	3.750.975	2.749.025
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**47**	**196**	**(148)**

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.102.855.998	87.413.734.269
Chi phí nhân công	21.124.435.407	15.796.077.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.127.792.456	1.087.726.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.587.888.263	13.673.664.173
Chi phí khác bằng tiền	1.360.797.790	683.321.615
Chi phí trích quỹ dự phòng	598.937.614	287.339.769
Chi phí trích quỹ lương dự phòng	320.000.000	250.000.000
Trích quỹ khoa học công nghệ	1.000.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng	(577.667.500)	(250.000.000)
Tổng	**138.645.040.028**	**118.941.863.369**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
HĐQT và BKS	Thù lao	321.596.000	305.400.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.734.792.000	1.679.770.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT .

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thúy Hằng	Lê Thúy Hằng	Hoàng Việt Hồng